

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC Z - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/DS-ST

Ngày: 17 – 7 – 2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng cầm cố
tài sản và Hợp đồng thuê tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC Z - CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Bảy

Bà Vũ Thị Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Ngọc Mai**, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực Z - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực Z - Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2025/TLST - DS ngày 03 tháng 3 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và Hợp đồng thuê tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 271/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S

Địa chỉ: Đường ND, **phường TV**, tỉnh Nghệ An.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn (theo văn bản uỷ quyền số 196/2023/UQ-SVN ngày 01/12/2023): Anh Trần Thanh T, sinh năm: 1989. (xin vắng mặt).

Địa chỉ liên hệ: Số 35, đường LK, phường T, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh **Trần Giang S1**, sinh năm: 1983.

(vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Đường LK, phường T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 29/01/2025, đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày và xác định yêu cầu của nguyên đơn như sau:

Ngày 29/7/2024 anh Trần Giang S1 ký với Công ty cổ phần S (sau đây gọi tắt là Công ty) Hợp đồng cầm cố tài sản số C3M240701005NA23X và Giấy mượn xe. Anh S1 cầm cố tài sản của anh S1 là xe mô tô biển kiểm soát 69AA-165.45, nhãn hiệu HONDA, giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô số 006893 do Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 05/6/2024 cho anh Trần Giang S1. Số tiền cầm cố là 10.797.872

đồng; thời hạn cầm cố là 12 (tháng kể từ ngày 29/7/2024 đến ngày 29/7/2025); lãi suất cầm cố 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cầm cố trong hạn; mục đích cầm cố: Sử dụng cho mục đích tiêu dùng cá nhân và kinh doanh, không vi phạm pháp luật. Gốc, lãi, phí trả mỗi tháng một lần vào ngày 29 dương lịch hàng tháng. Các nội dung khác thỏa thuận theo Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng đã ký. Tài sản cầm cố nêu trên của anh S1 đã được Công ty đăng ký giao dịch đảm bảo trên hệ thống trực tuyến của cục đăng ký quốc gia. Công ty đã giải ngân cho anh S1 số tiền 10.797.872 đồng.

Trong phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng cầm cố nêu trên có thỏa thuận nội dung bên cầm cố đồng ý cho bên nhận cầm cố quyền được cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố và không hoàn trả hoa lợi, lợi tức đó cho khách hàng khi hợp chấm dứt.

Do nhu cầu đi lại phục vụ cho công việc, cùng ngày 29/7/2024 anh S1 xin mượn lại chiếc xe cầm cố với thời gian 01 tháng (từ ngày 29/7/2024 đến ngày 29/8/2024) và cam kết trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm thỏa thuận theo yêu cầu của Công ty.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh S1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đã thỏa thuận, chỉ thanh toán cho Công ty số tiền 1.267.000 đồng (trong đó: Tiền gốc 823.360 đồng, lãi 118.777 đồng, phí quản lý hồ sơ cố định 54.917 đồng, phí mượn xe 269.946 đồng. Đã hết thời hạn mượn xe nhưng anh S1 không giao lại xe trên cho Công ty dù đã được Công ty yêu cầu.

Công ty cổ phần S yêu cầu anh Trần Giang S1:

- Thanh toán khoản nợ của hợp đồng cầm cố tài sản nêu trên với số tiền tạm tính đến ngày 29/01/2025 là 16.534.806 đồng (trong đó: Nợ gốc 9.974.512 đồng, lãi trong hạn 548.598 đồng, phí quản lý hồ sơ cố định 249.363 đồng, lãi quá hạn 273.483 đồng, phí mượn xe 2.915.426 đồng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 797.961 đồng, chi phí tổ tụng 1.077.247 đồng).

- Yêu cầu anh S1 tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký và giấy mượn xe kể từ ngày 29/01/2025 đến khi anh S1 thanh toán xong nợ.

- Yêu cầu anh S1 trả lại chiếc xe anh S1 đã cầm cố cho Công ty.

- Yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Công ty.

Tại Bản tự khai đề ngày 16/7/2025, anh Trần Thanh Trí (đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) trình bày và xác định yêu cầu của nguyên đơn như sau:

Ngày 29/7/2024 anh Trần Giang S1 ký với Công ty Hợp đồng cầm cố tài sản số C3M240701005NA23X và Thỏa thuận thuê tài sản là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 69AA-165.45. Nội dung cầm cố thể hiện tại Hợp đồng cầm cố tài sản anh S1 đã ký với Công ty ngày 29/7/2024. Anh S1 thỏa thuận thuê lại chiếc xe với giá thuê 583.085,11 đồng/tháng; thời gian thuê, mượn xe là 12 tháng kể từ ngày 29/7/2024. Trường hợp thanh toán trước hạn (không quá 10 ngày), đúng hoặc trễ hạn (không quá 05 ngày kể từ ngày phải thanh toán) thì chi phí thuê tài sản sẽ được giảm còn 269.946,81 đồng/tháng. Đến nay anh S1 chỉ thanh toán cho Công ty số tiền 1.267.000 đồng.

Nay Công ty yêu cầu anh S1 thanh toán cho Công ty số tiền tạm tính đến ngày 17/7/2025 là 17.238.341 đồng (trong đó: Tiền gốc 9.974.512 đồng, lãi trong hạn với mức lãi suất 1,1%/tháng tính trên số tiền nợ gốc còn lại 9.974.512 đồng từ ngày 29/9/2024 đến ngày 17/7/2025 là: $9.974.512 \text{ đồng} \times 1,1\%/\text{tháng} \times 10 \text{ tháng} = 1.103.156,32 \text{ đồng}$; phí thuê xe từ tháng 9/2024 đến tháng 7/2025 là: $583.085,11 \text{ đồng} \times 10 \text{ tháng} + 269.946,81 \text{ đồng} = 6.100.797,9 \text{ đồng}$). Công ty xin rút lại các yêu cầu khác.

Đối với anh Trần Giang S1: Tòa án đã thông báo cho anh S1 về việc thụ lý vụ án, thông báo cho anh S1 đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập anh S1 đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhiều lần nhưng anh S1 vẫn không có mặt tại Tòa án theo Thông báo, triệu tập của Tòa án; anh S1 cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Công ty cổ phần S khởi kiện anh Trần Giang S1 yêu cầu thanh toán khoản nợ phát sinh từ hợp đồng cầm cố và hợp đồng thuê tài sản anh S1 đã ký với Công ty cổ phần S. Do đó, tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh S1 đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh S1 vẫn vắng mặt không rõ lý do. Đại diện theo uỷ quyền của Công ty cổ phần S yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và đại diện nguyên đơn theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Hợp đồng cầm cố tài sản số C3M240701005NA23X ngày 29/7/2024; Phụ lục hợp đồng và Thỏa thuận thuê tài sản ngày 29/7/2024 đã ký giữa anh Trần Giang S1 với chi nhánh Công ty cổ phần S thì tài sản anh Trần Giang S1 cầm cố cho Công ty cổ phần S là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 69AA-165.45 thuộc quyền sở hữu của anh S1. Số tiền cầm cố là 10.797.872 đồng; thời hạn cầm cố 12 tháng kể từ ngày 29/7/2024 đến ngày 29/7/2025; lãi suất cầm cố 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cầm cố trong hạn. Đồng thời anh S1 đã thuê lại xe trên để sử dụng cùng ngày 29/7/2024 với giá thuê 583.085,11 đồng/tháng. Thỏa thuận nêu trên và các thỏa thuận khác giữa Công ty với anh S1 là phù hợp với quy định pháp luật và được thiết lập trên tinh thần tự nguyện. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh S1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã thỏa thuận nên Công ty có quyền khởi kiện, yêu cầu anh S1 thanh toán nợ. Căn cứ vào các hợp đồng, phụ lục hợp đồng cầm cố và thỏa thuận thuê tài sản đã ký ngày 29/7/2024 giữa Công ty với anh S1, đối trừ với số tiền anh S1 đã thanh toán theo trình bày của đại diện nguyên đơn thì số tiền Công ty yêu cầu anh S1 thanh toán tạm tính đến ngày 17/7/2025 tổng số tiền 17.238.337 (trong đó: Tiền gốc 9.974.512 đồng, lãi trong hạn 1.103.156,32 đồng; phí thuê xe 6.100.797,9 đồng) là có căn cứ. Anh S1 cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của Công ty. Do đó yêu cầu của Công ty về việc yêu cầu anh Trần Giang S1 thanh toán nợ với tổng

số tiền 17.238.341 đồng là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên có chênh lệch không đáng kể cần được điều chỉnh. Do đại diện hợp pháp của Công ty rút lại các yêu cầu khởi kiện còn lại nên cần đình các yêu cầu khởi kiện còn lại của Công ty.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S được chấp nhận nên anh Trần Giang S1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Công ty cổ phần S không phải chịu án phí nên được hoàn lại án phí đã dự nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 299, 309, 310, 311, 314, 357, 472, 473, 474, 481 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1 - Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S.

Buộc anh Trần Giang S1 thanh toán cho Công ty cổ phần S khoản nợ phát sinh từ hợp đồng cầm cố tài sản số C3M240701005NA23X ngày 29/7/2024 và Thỏa thuận thuê tài sản ngày 29/7/2024 gồm vốn và lãi tính đến ngày 17/7/2025 với tổng số tiền 17.238.337 đồng (*trong đó: Tiền gốc 9.974.512 đồng, lãi trong hạn 1.163.027 đồng; tiền thuê xe 6.100.798 đồng*).

Buộc anh Trần Giang S1 tiếp tục thanh toán cho Công ty cổ phần S khoản lãi phát sinh theo Hợp đồng cầm cố tài sản số C3M240701005NA23X ngày 29/7/2024 anh Trần Giang S1 đã ký với Công ty cổ phần S từ ngày 18/7/2025 đến khi anh S1 thanh toán xong nợ cho Công ty cổ phần S.

Công ty cổ phần S có nghĩa vụ trả lại giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 006893 do Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 05/6/2024 cho anh Trần Giang S1 khi anh S1 thanh toán xong nợ cho Công ty.

2 - Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc anh Trần Giang S1 thanh toán khoản phí quản lý hồ sơ cố định 249.363 đồng, lãi quá hạn 273.483 đồng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 797.961 đồng, chi phí tố tụng 1.077.247 đồng.

- Yêu cầu anh S1 trả lại chiếc xe anh S1 đã cầm cố cho Công ty.

- Yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Công ty.

3 - Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc anh Trần Giang S1 phải chịu 862.000 đồng. Anh S1 phải nộp khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Công ty cổ phần S không phải chịu án phí. Công ty cổ phần S được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã dự nộp với số tiền 413.000 đồng (*đã dự nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau ngày 24/02/2025 theo Biên lai thu số 0010362*) khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4 - Về quyền kháng cáo: Công ty cổ phần S, anh Trần Giang S1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực Z - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực Z - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Ngọc Hân